

Thích Phước Sơn

A- Dẫn nhập

Trải qua nhà thời kỳ thuyết pháp đầu tiên, Đức Phật đã hóa độ cho mọi hạng người, không phân biệt màu da, chủng tộc, giai cấp, sang hèn. Nhờ đó mà Phật giáo đã được tôn vinh, do căn cứ trên đức, tuệ và trí, giới tính bất đồng, vì thế Phật giáo chia thành 7 nhóm và đức Phật là 7 chúng đệ tử của Phật.

Trong đó, hai nhóm đầu là Phật tử và Phật tử đệ tử; năm nhóm sau là Sa di, Sa di ni, Thụ giới xoa ma na, Tỳ kheo và Tỳ kheo ni thuộc hàng đệ tử xuất gia. Trong bài này, chúng tôi sẽ trình bày về giới pháp mà mọi chúng đệ tử phải lãnh thọ, hành trì trên lộ trình tiến đến giải thoát.

B- Nội dung

I. Tam quy Ngũ giới

Hai thành phần cơ sở đầu tiên là Phật tử và Phật tử. Phật tử (Upāsaka) được đề cập là Cư sĩ nam, nghĩa là người nam cư sĩ thân cận với chùa chiền, phụng sự Tam bảo; ngoài ra còn gọi là Thanh tín sĩ, nghĩa là trang nam tử có niềm tin Tam bảo trong sáng. Hạng thứ hai là Phật tử (Upāsika), được đề cập là Cư sĩ nữ, Thanh tín nữ, nghĩa là người nữ đã thọ ba quy y, giữ gìn năm giới, thực hành thiện pháp, thân cận phụng sự Tam bảo.

Theo lịch sử Phật giáo thì hai thế hệ gia Đọa (Trapusa) và Ba Lợi (Bhallika) là hai đấng đầu tiên của Phật, người mẹ và vị trưởng khi xuất gia của tôn giáo Da Xá (Yasa) là hai đấng đầu tiên trong hàng nhà Phật tại gia.

Giới pháp căn bản mà hai hệ thống này thừa trì là năm giới. Nhưng trưởng khi thừa năm giới, đi u kiền tiên quyết cho tất cả mọi tông phái Phật giáo là thừa ba pháp quy y.

Nội dung ba pháp quy y

* Trừ vị nương tựa Phật, người dấn thân nương chắp lấy cho con trong cuộc đời.

* Trừ vị nương tựa Pháp, con dấn thân chấp trì tình thế và sự hiểu biết.

* Trừ vị nương tựa Tăng, đoàn thể của những người nguyện sống cuộc đời tịch tịnh (1).

Phật, Pháp và Tăng có mặt trong mọi phương thế giới mà cũng có mặt trong mọi ngành và mọi loài. Trừ vị nương tựa Phật nên Phật, Pháp và Tăng cũng có nghĩa là tin tưởng vào khả năng giác ngộ nội tâm tánh mình, vào khả năng khai mở và phát triển của tình thế và trí tuệ nội bản thân cũng như những người đồng đạo.

Năm giới là những nguyên tắc hướng dẫn chúng ta vào hướng an lạc, giải thoát và giác ngộ. Đó cũng là những nguyên tắc để xây dựng nên thế giới cho hạnh phúc cá nhân, hạnh phúc gia đình và xã hội. Học hỏi và thực hành 5 giới, ta sẽ đi đúng con đường chánh pháp, sẽ tránh được lỗi lầm, khổ đau, sợ hãi và thất vọng. Ta sẽ xây dựng được an lạc, hạnh phúc cho ta, cho gia đình ta và góp phần vào sự an ổn cho toàn xã hội.

Giới thiệu về 5 giới

* Gi i th  nh  t: Không đ  c s t sinh

Ý th c đ  c nh ng kh  đau do s  s t h i g y ra, ng  i Ph t t  ph i h c theo h nh đ i bi đ  b o v  s  s ng c a m i ng  i và m i loài. Ng  i Ph t t  không gi t h i sinh m ng, không t n th nh s  gi t ch c và không đ  k  khác gi t h i m i loài c  m ng s ng.

* Gi i th  hai: Không đ  c tr m c p

Ý th c đ  c nh ng kh  đau do l  ng g t, tr m c p và b t công x  h i g y ra, ng  i Ph t t  theo h c h nh đ i t  đ  đem ni m vui đ n cho m i ng  i và m i loài, chia s  th i gi , n ng l c và t i l c c a m nh cho nh ng k  đ ng th t s  thi u th n. Ng  i Ph t t  nguy n không l y b t c  m t th  c a c i n o không đ  c ng  i khác vui lòng đem cho. Đ ng th i nguy n t n tr ng quy n t  h u c a k  khác, t ch c c ng n ng a nh ng k  t ch tr  và làm giàu m t c ch b t l  ng tr n s  đau kh  c a c  nh n và t p th .

* Gi i th  ba: Không đ  c t  d m

Ý th c đ  c nh ng đau kh  do th i t  d m g y ra, ng  i Ph t t  h c theo tinh th n tr ch nhi m, gi p b o v  ti t h nh và s  an to n c a m i ng  i và m i gia đ nh trong x  h i. Ý th c đ  c nh ng h nh đ ng b t ch nh s  g y ra kh  đau cho k  khác và cho ch nh m nh, ng  i Ph t t  nguy n không ngo i t nh mà s ng chung th y v i ng  i b n đ i c  h n ph i h p ph p.

* Gi i th  t : Không đ  c n i đ i

Ý th c đ  c nh ng kh  đau do l i n i h  v ng g y ra, ng  i Ph t t  h c theo h nh  i ng  và bi t l ng nghe đ  d ng t ng ni m vui cho ng  i và làm v i b t kh  đau c a ng  i. Bi t r ng l i n i c  th  đem l i h nh ph c ho c đau kh  cho ng  i khác, ng  i Ph t t  ch  n n n i nh ng l i c  th  g y th m ni m t  tin, an vui và hy v ng, nh ng l i ch n th t c  giá tr  x y d ng s  hi u bi t và hòa gi i. Ng  i Ph t t  nguy n không n i nh ng l i sai v i s  th t, không n i nh ng l i g y chia r  và c m th . Nguy n không lan truy n nh ng tin t c th t thi t, không ph 

bình và lên án nh ng đđ u mà mình không bi t ch c. Nguy n không nói nh ng đđ u có th o nên s b t hòa trong gia đình và đoàn th .

* Gi i th năm: Không đ c u ng r u

Ý th c đ c nh ng kh đau do s s đ ng ma túy và đ c t gây ra, ng i Ph t t h c cách chuy n hóa thân tâm, b i đ ng s c kh e thân th và tâm h n b ng cách th c t p chánh ni m trong vi c ăn u ng và tiêu th . Ng i Ph t t ch nguy n tiêu th nh ng gì có th đem l i an l c cho thân tâm mình, cho gia đình và cho xã h i. Nguy n không u ng r u, không s đ ng các ch t ma túy, không ăn u ng ho c tiêu th nh ng s n ph m có đ c t (trong đó có m t s s n ph m truy n thanh, truy n hình, sách báo và phim nh). Nh ng ai tàn h i thân tâm b ng r u và các đ c t là ph n b i t tiên, cha m và cũng là ph n b i các th h t ng lai. Ng i Ph t t nguy n chuy n hóa b o đ ng, căm thù, s h i và bu n gi n b ng cách th c t p phép kiêng c cho b n thân, cho gia đình và cho xã h i (2).

II. Bát quan trai gi i

Đây là lo i gi i pháp Ph t ch đ nh cho đ t t i gia h c t p xu t gia t m th i. Nh ng gi i t này r i b gia đình đ n chùa đ t p s n p s ng c a ng i xu t gia trong vòng m t ngày đêm. Bát nghĩa là tám, Quan nghĩa là đóng c a (c a 6 căn) i, Trai nghĩa là chay l t., Gi i nghĩa là nh ng đđ u r n nh m ngăn ng a nh ng sai ph m. Ng i gi 8 gi i này có th phòng h các ác h nh c a ba nghi p thân, kh u, ý, l i có th đóng c a con đ đ ng ác, nên g i là Bát quan trai gi i. Trong 8 gi i này, 7 đđ u đ u g i là gi i, m t đđ u sau "không ăn phi th i" g i là trai, h p chung l i thành ra 8 trai gi i. Ph t ch đ nh nh ng gi i này đ Ph t t , không phân bi t nam n , th tr i vào 6 ngày trai c a m i tháng, t c ngày mùng 8, 14, 15, 23, 29, 30 (theo âm l ch, n u tháng thi u thì đ i hai ngày cu i cùng thành ra 28 và 29). Vì ng i th gi i này ph i r i b gia đình đ n chùa s ng g n v i ch Tăng trong m t ngày đêm nên g i là C n tr nam, C n tr n .

N i dung c a 8 gi i pháp

Các cấm đoán giã i pháp

Viết bởi Administrator

* Giã i thđ nhđ t: Không đđ c sát sinh

* Giã i thđ hai: Không đđ c trđ m cđ p

* Giã i thđ ba: Không đđ c hành dâm

* Giã i thđ tđ : Không đđ c nói đđ i

* Giã i thđ năm: Không đđ c uđ ng rđ đ u

* Giã i thđ sáu: Không đđ c trang sđ c bđ ng vòng hoa, không đđ c ca hát, nhđ y múa và cđ ý đi xem nghe

* Giã i thđ bảy: Không đđ c ngđ i nđ m giđ đ ng ghđ cao sang lđ ng lđ y

* Giã i thđ tám: Không đđ c ăn phi thđ i.

Trong 5 giã i đđ u đđ đây tđ đ ng tđ nhđ ngũ giã i đ trđ đ c, chđ khác là trong giã i thđ ba, giã i tđ tuyđ t đđ i không đđ c hành dâm - giđ ng nhđ nđ p sđ ng phđ m hđ nh đđ a ngđ đ i xuđ t gia - còn giã i thđ ba trong ngũ giã i thì ngđ đ i cđ sĩ đđ c phép ân ái vđ i ngđ đ i hôn phđ i chính thđ c, chđ trđ viđ c ngođ i tình mà thôi. Ngoài đđ ra, luđ n Thành Thđ t và luđ n Trí Đđ thì tách giã i thđ 6 ra làm hai, nhđ vđ y thành ra 8 đđ u, rđ i ghép đđ u cuđ i cùng "Không ăn phi thđ i", gđ i là 8 trai đđ giđ i.

III. Thđ p thđ n giđ i

C c nam n  Ph t t  sau khi th  Tam quy, Ng  gi i, th  y đ  t đ  c nhi u ti n b  trong s  tu h c, mu n ti n xa h n n a tr n b  c đ  ng đ  đ n gi i tho t, c  th  th  tr  10 thi n gi i. M  i thi n gi i bao g m trong 3 t  t nh gi i sau đ y:

- 1- Nhi p lu t nghi gi i: Ng  i con Ph t ph i nguy n t  b  m i đ u  c.
- 2- Nhi p thi n ph p gi i: Ng  i con Ph t v ng l m c c vi c l nh.
- 3- Nhi u  ch h u t nh gi i: Ng  i con Ph t ph i đ m l i l i  ch cho t t c  ch ng sinh.

N i dung c a m  i thi n gi i

1. Noi g  ng ch  Ph t v  B  t t, v nh vi n kh ng gi t h i ch ng sanh m  c n đ m s  s ng đ n cho mu n lo i.
2. Noi g  ng ch  Ph t v  B  t t, v nh vi n kh ng tr m c p m  c n đ m t i s n c a m nh b  th  cho k  kh c.
3. Noi g  ng ch  Ph t v  B  t t, v nh vi n kh ng t  d m, t n tr ng ti t h nh v  s  chung th y c a m i ng  i.

4. Noi gõõ ng chõ Phõ t và Bõ tát, vĩnh vĩõ n không nói dõ i, luôn luôn nói đúng sõ thõ t.
5. Noi gõõ ng chõ Phõ t và Bõ tát, vĩnh vĩõ n không nói lõõ i hai chiõ u, chõ nói nhõ ng lõõ i đõ a đõ n hòa hõ p, đoàn kõ t.
6. Noi gõõ ng chõ Phõ t và Bõ tát, vĩnh vĩõ n không nói thõu dõ t, mà nói nhõ ng lõõ i chính xác, có thõ t.
7. Noi gõõ ng chõ Phõ t và Bõ tát, vĩnh vĩõ n không nói thõ lõ mà luôn luôn nói nhõ ng lõõ i nhõ nhõ n, tõ ái.
8. Noi gõõ ng chõ Phõ t và Bõ tát, vĩnh vĩõ n không tham lam keo kiõ t mà thõ c hành hõ nh bõ thõ i.
9. Noi gõõ ng chõ Phõ t và Bõ tát, vĩnh vĩõ n không sân hõ n mà thõ c hành hõ nh tõ bi.
10. Noi gõõ ng chõ Phõ t và Bõ tát, vĩnh vĩõ n không tà kiõ n, cõ chõ p mà tu hành chánh kiõ n (3).

Trong mõõ i giõ i này, 3 giõ i đõ u (1-3) thuõ c võ thân nghiõ p; 4 giõ i giõ a (4-7) thuõ c võ khõ u nghiõ p; 3 giõ i cuõ i cùng (8-10) thuõ c võ ý nghiõ p.

IV. Giõ i pháp cõ a Sa di và Sa di ni

Sa di là tiõ ng đõ ch âm cõ a Pàli Sàmanera, và đõõ c đõ ch ý là Cõ u tõ ch, Cõ n sách hay Tõ c tõ . Nghĩa là õ a sõ võ ng lõ ng, siêng năng tu hõ c, đõ t bõ vĩõ c ác, thõ c hành tõ bi. Đây là nhõ ng ngõõ i nam xuõ t gia tõ 7 tuõ i đõ n 70 tuõ i, đã thõ mõõ i giõ i mà chõ a thõ giõ i Cõ túc. Nõ u ngõõ i nõ xuõ t gia thì giõ i là Sa di ni (Sàmaneri) đõõ c đõ ch ý là Cõ n sách nõ , Tõ c tõ nõ . Hai chúng này cùng chung mõ t giõ i pháp. Phõ t quy đõ nh tuõ i xuõ t gia nhõ nhõ t là 7 tuõ i, lõ n nhõ t là 70 tuõ i. Ngõõ i 70 tuõ i mà còn trấng kiõ n, có thõ tu hõ c tiõ n bõ thì cho xuõ t gia, nhõ ng nõ u già yõ u lõ m

Có m thì không cho xuất gia.

Luật Ma Ha Tăng Kỳ, quyển 29, căn cứ theo tu từ tác, chia Sa di thành 3 hạng:

1. Khu ô Sa di (Sa di lo phẩn sơ đầu tiên) từ 7 tuổi đến 13 tuổi.

2- Đáng pháp Sa di (Sa di đúng pháp) từ 14 tuổi đến 19 tuổi.

3. Danh từ Sa di (Sa di trên danh nghĩa) từ 20 tuổi trở lên.

Những người đã thọ 10 giới thì gọi là Pháp đệ tử Sa di, nghĩa là Sa di đã thọ giới pháp; còn những người mới xuất gia đã cắt tóc mà chưa thọ giới thì gọi là Hình đệ tử Sa di, nghĩa là hình thức giống với Sa di.

Vị Sa di đầu tiên trong hàng ngũ đệ tử xuất gia của Phật là La Hù La (Rahula). Phật đã bảo ông Trùng lão Xá Lợi Phất (Sàriputta) làm Đệ tử đầu của Hòa thượng truy tặng giới cho tôn giả La Hù La.

Mối giới pháp của Sa di

Vì phạm hạnh nên giới pháp thì hai chúng Sa di và Sa di ni cũng tuân thủ mối giới căn bản như nhau, chỉ khác đôi chút về vấn đề oai nghi, những không đáng kể. Mối giới pháp được kể

nh  sau:

1. Không đ  c s t sinh
2. Không đ  c tr m c p
3. Không đ  c d m d c
4. Không đ  c n i d i
5. Không đ  c u ng r  u
6. Không đ  c mang vòng hoa th m, không đ  c dùng h  ng th m xoa mình
7. Không đ  c ca, vũ, hòa t u, bi u di n hay đi xem nghe
8. Không đ  c ng i n m gi  ng gh  cao đ p l ng l y
9. Không đ  c  n phi th i ( n sau gi ng)
10. Không đ  c gi  vàng b c, b o v t (4).

Ngoài 10 giới đã kể trên, hai chúng này còn phải tuân thủ một số quy tắc theo nếp sinh hoạt hàng ngày của thí nghiệm gia, tức là "Tứ niệm nhứt đòng" gồm chung 45 điều; đồng thời phải giữ tác phong đĩnh đạc nghiêm chỉnh 24 điều, gọi là 24 oai nghi.

Hiện nay, ở nước ta gồm có Phật giáo Bắc truyền, Phật giáo Nguyên thủy (hay Nam tông) và hai phái Khất sĩ. Nhưng về giới pháp của Sa di thì trên căn bản gần như đồng nhất. Chỉ khác nhau là Phật giáo Nam tông không có Sa di ni (có lẽ do thất truyền) mà chỉ có tỳ kheo nhân nữ (tulan). Nghĩa là người nữ mặc áo hoari sạch, sống tại viện, theo nếp sống của người xuất gia.

V. Giới pháp của Thệ c xoa ma ni

Thệ c xoa ma ni hay Thệ c xoa ma na là một đức âm chữ Phạn Siksamànà, hay chữ Pàli Sikkhamànà, được dịch ý là Học giới nữ (người nữ học giới), Chánh học nữ (người nữ đang học theo pháp căn bản). Người nữ xuất gia, trước khi thọ giới Cú túc làm Tỳ kheo ni, phải trải qua 2 năm học tập theo học pháp căn bản của Tỳ kheo ni. Ở đây có hai trường hợp: Nếu là đồng nữ xuất gia thì khi được 18 tuổi, cho thọ học Thệ c xoa ma ni 2 năm, lúc đủ 20 tuổi sẽ cho thọ giới Cú túc. Nếu người nữ đã có chồng lúc 10 tuổi (ở Ên Độ ngày xưa có việc tảo hôn), mà xuất gia, cũng cho 2 năm học giới làm Thệ c xoa ma ni, sau 2 năm học giới xong, mới cho thọ Cú túc. Trong 2 năm này, một là để học hết những giới pháp căn bản, bồi dưỡng tính tình, tập quen nếp sống xuất gia, khiến cho tâm ý được kiên cố; hai là để tránh tình trạng đã có thai ở nhà mà không biết, đến khi thọ giới Cú túc rồi mới phát hiện [theo luật Thập Tụng]. (Văn này rút từ phần tiếp, bài mục hi vọng thêm xin xem bài "Thập tụng tụng giá là thế nào?" đăng trên nguyệt san Giác Ngộ số 27, tháng 6-1998).

Sáu giới căn bản

1. Không đō c sát sinh
2. Không đō c trō m cō p
3. Không đō c dām dō c
4. Không đō c nói dō i
5. Không đō c uō ng rō u
6. Không đō c ăn phi thō i.

Ngoài 6 giō i kō trên, Thō c xoa ma ni còn phō i hō c 18 tùy pháp (nhō ng pháp phō), nhō trong Ni luēt đã đō cō p, hoō c rō ng rāi hō n là hō c tō p 292 pháp (xem Thō c xoa ma ni giō i, HT Trí Quang đō ch, bō n ē n hành năm 1994).

VI. Giō i pháp cō a Tō kheo

Trong 7 chúng đō tō cō a Phō t thì Tō kheo đō c xem là trō ng tō cō a Nhō Lai, chiō m mō t đō a vō tôn quý nhō t trong hàng ngũ đō tō, cō tō i gia lō n xuō t gia. Tiō ng Pālī Bhikkhu đō c phiên âm là Tō kheo, tiō ng Sanskrit Bhikṣu đō c phiên âm là Bí-sô. Hai chō Bhikkhu và Bhikṣu cùng mō t nghĩa và đō c đō ch ý là Khō t sĩ, Bō ma, Phā ác.

- Khõ t sĩ: Đì khõ t thõ c đõ tõ nuôi sõ ng mình mõ t cách thanh tõ nh, nên gõ i là Khõ t sĩ.
- Bõ ma: Tõ kheo có thõ tu đõ o khiõ n cho ác ma kinh hõ n, nên gõ i là Bõ ma.
- Phá ác: Tõ kheo tu giõ i, đõ nh, tuõ , có thõ phá trõ hai thõ c ác là Kiõ n hoõ c và Tõ hoõ c, nên gõ i là Phá ác.

Đây là nhõ ng ngõõ i nam xuõ t gia đã thõ Đõ i giõ i hay giõ i Cõ túc. Tiõ ng Phõ n Upasampadà. Hán đõ ch là Cõ túc hay Cõ n viên. Cõ túc nghĩa là thành tõ u đõ y đõ ; Cõ n viên nghĩa là đõ n gõ n Niõ t bàn viên mẫn. Luõ t quy đõ nh sõ tuõ i tõ i thiõ u đõ thõ giõ i Cõ túc là 20 tuõ i. Mõ t giõ i tõ muõ n thõ giõ i Cõ túc phõ i là ngõõ i đõ y đõ 6 căn (mõ t, tai, mũi, lõõ i, thân và ý), đây là đõ u kiõ n chung, chõ yõ u, tõ xõ a đõ n nay các bõ phái đõ u nhõ t trí chõ p hành. Nhõ ng đõ u kiõ n này bao gõ m cõ thõ trong 13 già nõ n và 15 khinh nõ n hay chõõ ng pháp (xem Giõ i đàn Tăng, HT Thiõ n Hòa).

Theo giáo sõ thì 5 anh em tôn giõ Kiõ u Trõ n Nhõ (Kondanna, Bhaddiya, Vappa, Mahànàma và Assaji) là nhõ ng đõ tõ đõ u tiên trong hàng ngũ đõ tõ Tõ kheo cõ a Phõ t.

Luõ t Thõ p Tõ ng chia Tõ kheo làm 4 hõ ng:

1. Danh tõ Tõ kheo: Tõ kheo hõ u danh mà vô thõ c

Các c p đ  gi i pháp

Vi t b i Administrator

2. T ng ngôn T  kheo: Ng  i t  x ng mình là T  kheo

3. Vi  kh t T  kheo: T  kheo đi kh t th c đ  nuôi s ng

4. Ph  phi n n o T  kheo: T  kheo chuyên ph  tr  các phi n n o.

Gi i pháp c a T  Kheo (Theo Lu t T  ph n g m 250 gi i)

1. Ba-la-di, g m c  4 gi i

2. Tăng-gi -b -th -sa, g m c  13 gi i

3. B t đ nh, g m c  2 gi i

4. Ni-t t-k -ba-d -đ , g m c  30 gi i

5. Ba-d -đ , g m c  90 gi i

6. Ba-la-đ -đ -x -ni, g m c  4 gi i

7. Chũng hĩ c phỏp, gĩ m cĩ 100 giĩ i

8. Diĩ t trỏnh, gĩ m cĩ 7 giĩ i

Giĩ i thĩch cỏc thuĩ t ngĩ :

1. Ba-la-di (Pàràjika) đĩ c đĩ ch ý lỏ Khĩ hay Đỏn đĩ u. Khĩ nghĩa lỏ ngĩ i phĩ m tĩ i nỏy coi nhĩ bĩ bĩ ra ngoỏi Phĩ t phỏp. Đỏn đĩ u nghĩa lỏ giĩ ng nhĩ ngĩ i đĩ bĩ chĩ t đĩ u, khĩng thĩ dũng thuĩ c đĩ cĩ u chĩ a đĩ c nĩ a.

2. Tỏng-giỏ-bỏ-thĩ-sa (Sangha-disesa) nghĩa lỏ Tỏng tỏn, tĩ c lỏ ngĩ i bĩ trĩ ng thĩ ng đĩ i vĩ tĩ nh phỏp cĩ a Tỏng đỏn; tuy bĩ trĩ ng thĩ ng nhĩ ng cĩn cĩ thĩ dũng phĩ ng phỏp sỏm hĩ i đĩ cĩ u chĩ a đĩ c.

3. Bĩ t đĩ nh (Aniyata), loĩ i nỏy khĩng phĩ i phĩ m mĩ t tĩ i danh nỏo nhĩ t đĩ nh, mỏ cĩ thĩ phĩ m Ba-la-di, Tỏng tỏn hoĩ c Ba-dĩ t-dĩ, nĩn gĩ i lỏ Bĩ t đĩ nh.

4. Ni-tỏt-kĩ-bỏ-dĩ t-dĩ (Nissaggiya-pỏcittiya): Ni-tỏt-kĩ nghĩa lỏ xĩ bĩ tĩ t cĩ; Ba-dĩ t-dĩ nghĩa lỏ đĩ a. Hĩ p cĩ hai gĩ i lỏ Xĩ đĩ a. Ngĩ i phĩ m tĩ i nỏy lỏ do cĩ t giĩ nhĩ ng vĩ t vĩ t ra ngoỏi quy đĩ nh. Vĩ thĩ, trĩ c hĩ t phĩ i đĩm vĩ t y ra thĩ xĩ giĩ a chũng Tỏng, rĩ i sỏm hĩ i tĩ i đĩ a.

5. Ba-dĩ -dĩ (Pacittiya) nghĩa lỏ tĩ i bĩ đĩ a lĩ c. Ngĩ i phĩ m tĩ i nỏy khĩng cĩ vĩ t phĩ i xĩ bĩ nĩn gĩ i lỏ Đỏn đĩ a, cĩ n phĩ i sỏm hĩ i vĩ i 3 thĩ y Tĩ kheo thanh tĩ nh đĩ diĩ t tĩ i.

6. Ba-la-đõ -đõ -xá-ni (Patidesaniya) đõ đõ c đõ ch nghĩa là Hõ đõ ng bõ hõ i. Ngõ đõ i phõ m tõi này phõ i sám hõ i võ i mõ t thõ y Tõ kheo đõ trõ tõi.

7. Chúng hõ c pháp: Tiõ ng Pàli "Sekkhiyavatta" đõ đõ c phiên âm là Thõ c-xoa-ca-la-ni, đõ ch ý là Chúng hõ c pháp hay õ ng đõ đõ ng hõ c, nghĩa là nhõ ng pháp cõ n phõ i hõ c. Loõ i này thuõ c võ oai nghi.

8. Diõ t tránh: Tiõ ng Pàli Adhikarana-samattha đõ đõ c đõ ch ý là Diõ t tránh, nghĩa là đõ p tõi sõ tranh chõ p. Pháp này gõ m có 7 yõ u tõi. Mõ t khi trong Tăng đoàn xõ y ra sõ xung đõ t, tranh chõ p, thì dùng mõ t hoõ c nhiõ u yõ u tõi này đõ giõ i quyõ t, đõ p tõi sõ xung đõ t õ y.

(Võ nõ i dung chi tiõ t, xin xem Luõ t Tõ kheo, tõi p II, Tõ phõ n Hiõ p chú, HT Thích Trí Thõ, bõ n õ n hành năm 1991).

Các giõ i trên không phõ i đõ đõ c chõ đõ nh mõ t õ n mà tùy phõ m tùy chõ, nghĩa là phõ m đõ n đâu, Phõ t chõ giõ i đõ n đó. Sau khi chõ đõ nh xong, đõ đõ c đem ra phân loõ i thành 8 cõ t, rõ i sõ p xõ p tõi nõ ng đõ n nhõ. Cõ t thõ 8 "Diõ t tránh" tuy gõ i là giõ i, nhõ ng tính chõ t cõ a nó là do kõ t hõ p giõ a giõ i và luõ t mà thành.

VII. Giõ i pháp cõ a Tõ kheo ni

Tõ kheo ni (Bhikkunì) hay Bí-sõ-ni (Bhiksunì) là nhõ ng ngõ õ i nõ xuõ t gia đã thõ giõ i Cõ túc; võ ý nghĩa thì nhõ õ phõ n Tõ kheo đã giõ i thích. Ngoài ra còn là Khõ t sĩ nõ (nhõ ng ngõ õ i nõ sõ ng bõ ng sõ khõ t thõ c) hay nói gõ n là Ni. Võ tuõ i tõi thiõ u đõ thõ giõ i thì trên nguyên tõi c là 20 tuõ i, nhõ ng có trõ õ ng hõ p chõ m chõ õ c nhõ õ phõ n Thõ c xoa ma ni đã nói.

Võ Tõ kheo ni đõ u tiên trong hàng ngũ Ni chúng là bà Ma Ha Ba Xà Ba Đõ (Mahàpajàpati), di mõ u cõ a Phõ t, đõ đõ c Phõ t cho phép xuõ t gia thõ giõ i Cõ túc. Tiõ p theo sau bà là 500 ngõ õ i nõ dòng hõ Thích cũng đõ đõ c Phõ t đõ cho xuõ t gia, thành õ p Ni chúng.

Đạo đức mấu chốt tính chất tôn nghiêm của giáo pháp và sự thanh tịnh của Tăng đoàn, nên người nam muốn xuất gia thọ giới, trước hết phải tuân thủ 8 kính pháp mà Phật quy định (5).

Giới của Tỳ Kheo Ni (Theo Luật Tỳ phưu n gồm 348 giới)

1. Ba-la-di 8 giới
2. Tăng tàn 17 giới
3. Xỉ dĩa 30 giới
4. Độn dĩa 178 giới
5. Hồi quả 8 giới
6. Chúng hộc 100 giới
7. Diệt tránh 7 giới

Trên đây, giới của Tỳ Kheo Ni chỉ có 7 cấp, không có cấp "Bất định" như giới của Tỳ Kheo;

đồng thời trong mỗi cấp, số giới hoặc bậc, hoặc nhiều hơn giới của T kheo, và nội dung mỗi giới cũng có sai khác ít nhiều.

Hiện nay, có hai loại giới bậc được truy nguyên là giới bậc của Luật T ph và giới bậc của Luật Pàli. Nếu xét, ngược lại xuất gia theo hướng Phật tông cũng như phái Khất sĩ thì áp dụng giới bậc của T ph, còn ngược lại xuất gia theo Nam tông thì áp dụng theo giới bậc của Luật Pàli. Về số lượng và nội dung của giới bậc giữa hai bộ luật sai khác nhau không nhiều lắm. Ta có thể so sánh:

- Luật T ph: T kheo 250 giới; T kheo ni 348 giới

- Luật Pàli: T kheo 227 giới; T kheo ni 311 giới

(Về nội dung chi tiết, xin xem T kheo giới, HT Trí Quang, bản in hành năm 1994; T kheo ni giới cũng như trên).

VIII. Giới pháp của B tát

Những bậc kinh liên quan đến giới bậc của B tát gồm có:

1. Bát tất Anh Lạc bñ n nghiêp kinh
2. Phạm Võng kinh Bát tất gii bñ n
3. Du già Sđ a luñ n Bát tất gii bñ n
4. Bát tất Đa trì kinh
5. Bát tất Thiñ n gii i kinh
6. u bà tñ c gii i kinh.

Trong các kinh nêu trên thì hai kinh Anh Lạc, Phạm Võng có nguñ n gñ c tñ hñ thñ ng kinh Hoa Nghiêm và đññ c các hñ c gii suy đñ nh là do nguññ i Trung Quñ c biên soñ n. Ba kinh Du già, Đa trì và Thiñ n gii i bñ t nguñ n tñ luñ n Du già Sđ a, cùng chung mñ t nguyên bñ n, nhñ ng các bñ n đñ ch có tên khác nhau. Tñ i Trung Quñ c, Viñ t Nam thì gii i bñ n Phạm Võng tñ ra thñ nh hành nhñ t, nhñ ng ñ Tây Tñ ng thì chñ dùng gii i bñ n Du già.

Gii i Bát tất đññ c gii i là Đo tñ c thông hành gii i, nghĩa là nguññ i xuñ t gia và tñ i gia đñ u thñ trì nhñ nhau. Không nhñ ng thñ mà các loài chúng sanh tñ cñi trñ i Sñ c gii i trñ xuñ ng, hñ ai hiñ u đññ c lñ i nói cñ a pháp sñ đñ u có thñ thñ gii i, chñ trñ nhñ ng kñ phñ m 7 tñ i nghñ ch (gii t cha, gii t mñ , gii t A la hán, phá sñ hòa hñ p cñ a Tăng, làm cho thân Phñ t ra máu, gii t Hòa thññ ng Bñ n sñ và gii t thñ y đñ y phép tñ c). Hñ n nñ a, gii i này có thñ thñ toàn phñ n hay tñ ng phñ n, tùy theo khñ năng. Ai đã thñ lãnh gii i này rñ i thì vĩnh viñ n không mñ t gii i, dù tái sinh ñ bñ t cñ nñ i đñu, chñ trñ phñ m 7 tñ i nghñ ch, phñ m thññ ng phñ m trñ ng gii i và bñ mñ t tâm Bñ đñ.

Giới này lấy tinh thần Tam tỳ tỳ nh giới (xem lời giới thích ở Tập thí nghiệm giới) làm nền tảng. Sau đây, xin giới thiệu 10 giới trọng và 48 giới khinh thuộ c giới bổn Phạm Võng và n ph b n trong đời sống tu tập của ng i Phật tử Việt Nam:

10 giới trọng

1. Không đ c sát sinh
2. Không đ c tr m c p
3. Không đ c dâm d c
4. Không đ c v ng ng
5. Không đ c mua bán r u
6. Không đ c nói x u ng i đ ng đ o
7. Không đ c khen mình, chê ng i
8. Không đ c ti c l n tài và pháp

9. Không đ  c  p   s  gi n h n

10. Không đ  c ph  b ng Tam b o.

48 gi i khinh

1. Không đ  c b t kính v i th y, b n

2. Không đ  c u ng các th  r  u

3. Không đ  c  n các lo i th t

4. Không đ  c  n nh ng th  c  n cay n ng

5. Không đ  c không khuy n b o ng  i s m h i

6. Không đ  c không si ng c u ch nh pháp

7. Không đ  c không đ  nghe pháp

8. Không đ  c ph n b i gi i i ph p Đ i th a

9. Không đ  c không giúp đ  ng  i b nh

10. Không đ  c t ng tr  d ng c  s t sinh

11. Không đ  c làm k  ch  m u g y chi n

12. Không đ  c buôn b n m t c ch t n nh n

13. Không đ  c v  c  ph  b ng ng  i kh c

14. Không đ  c thi u đ t b a b i

15. Không đ  c ch  d y sai l ch

16. Không đ  c n i ph p r i lo n

17. Không đ  c đ  a th  i c   đ   c   u  i

18. Không đ  c làm th  y mà mù qu  ng

19. Không đ  c h  y b  ng ng  i c   gi  i đ  c

20. Không đ  c không ph  ng sinh và làm ph   c

21. Không đ  c gi  n đ   b  o th  

22. Không đ  c ki  u c  ng, không h  c

23. Không đ  c th   gi  i tr  i quy đ  nh

24. Không đ  c h  c c  c s  ch kh  c

25. Không đ  c l  m đ  ng g  y r  i

26. Không đ  c không đ  i kh  ch T  ng chu đ  o

27. Không đ  c l y c a chúng Tăng làm c a riêng

28. Không đ  c m i riêng ch  Tăng

29. Không đ  c s ng b ng tà m ng

30. Không đ  c làm nh ng vi c điên đ o

31. Không đ  c không c u chu c đ ng đ o và kinh t  ng

32. Không đ  c làm t n h i chúng sinh

33. Không đ  c tà tâm làm qu y

34. Không đ  c r i b  tâm B  đ 

35. Không đ  c không phát đ i nguy n

36. Không đ  c không phát đ i th 

37. Không đ  c không hành Đ u đ a và b  t t h ng th ng

38. Không đ  c ng i l n x n m t tr t t 

39. Không đ  c không làm vi c l i  ch

40. Không đ  c l a ch n ng  i đ  truy n gi i

41. Không đ  c v i tham l i m  làm th y

42. Không đ  c n i gi i cho k   c

43. Không đ  c c   y ph m gi i

44. Không đ  c không t n tr ng kinh lu t

45. Không đ  c không gi o h a ng  i v  v t

46. Không được thuyết pháp trái với thời thế

47. Không được tìm cách khoe ngạo Phật giáo

48. Không được phá hoại đạo pháp.

(Bản tóm tắt này dựa vào Bản tắt Phật m Võng của HT Trí Quang, bản in hành năm 1994).

C- Kết luận

Qua những trình bày trên đây, chúng tôi đã giới thiệu khái quát về những điểm cơ bản trong giải pháp của 7 chúng đệ tử Đức Phật. Những giải pháp này do Phật chế định cách nay đã 25 thế kỷ, thời gian và không gian có nhiều thay đổi, nhất là ngày nay nhân loại đã văn minh hơn xưa, khoa học phát triển những tiến bộ vượt bậc, thế nhưng, giải pháp của Phật vẫn còn mang đầy đủ tính chất hiện đại và vô cùng thiết thực. Bởi lẽ, mục đích của giải pháp đặt trên nền tảng đạo đức nhân bản, nhằm hoàn thiện phẩm giá con người, đem lại an lạc cho cá nhân, hạnh phúc cho gia đình, ổn định cho xã hội và thanh bình cho toàn thế giới nhân loại. Vì vậy, bao lâu cuộc đời còn đau khổ, con người còn khiếm khuyết, thì giải pháp của Phật vẫn còn tồn tại như những nguyên tắc tối ưu để giúp phóng con người thoát khỏi mọi khổ đau và lầm lạc./,

* Chú thích:

(1), (2): Thiển số N.H, Nghi thức tụng niệm, Lá Bối, 1994, tr.182, 189

(3) HT Thích Thiển Hòa, Giới đàn Tăng, tái bản 1999, tr.280, 284

(4) Sa di giới và Sa di ni giới, tập I, HT Trí Quang, xb 1994, tr.5

(5) Nội dung tám kính pháp gồm có:

1. Tỳ kheo ni dù 100 tuổi rồi mà khi thọ y và Tỳ kheo mới thọ giới cũng phải đứng dậy chào hỏi, mời ngồi

2. Tỳ kheo ni không được trách mắng Tỳ kheo

3. Tỳ kheo ni không được nêu tội Tỳ kheo

4. Thọ c xoa ma ni sau 2 năm học giới hoàn tất phải đến Tỳ kheo thọ nh c u thọ Giới giới (giới C túc)

5. Nếu Tỳ kheo ni phạm tội Tăng tàn thì phải đến trước 2 bậc Tăng, Ni làm phép ý h (làm cho mời ngồi hoan h) trong vòng nửa tháng

6. Tỳ kheo ni phải đến Tỳ kheo thọ nh c u thọ y Giáo thọ vào nh ng d p b tất cả a m i nửa tháng

7. Tỳ kheo ni không được kiết hạ an cư tại nh ng nơi không có Tỳ kheo

8. Tờ khéo ni an công xong phải đến Tờ khéo công tử tử (vui lòng chỉ báo) và ba phòng đi n: thý, nghe và nghi trong những tình huống phạm tội.

Phát Học Công Báo Tờ p Ba

Ban Hoang pháp Trung ương GHPGVN

Chương trình Phát học Hàm th (1998)

BTV